

Bản án số: 15 /2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Lê Phú Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tuấn L (tên gọi khác: L), sinh ngày 24 tháng 02 năm 1991 tại Phú Thọ. Nơi ĐKKHKT: Ấp 1 xã Thạnh P, huyện Vĩnh C, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Số 26 Thanh H, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Cao đẳng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Con ông : Phạm Văn H (SN: 1965) và bà Hà Thị N (SN: 1970); Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Hồ Linh Mỹ K (sinh năm 1996); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Thi T (tên gọi khác: không có), sinh ngày 26 tháng 12 năm 1997 tại Đắk Lắk. Nơi ĐKKHKT: Thôn 15, xã Pong D, huyện Krông, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 74 Thân Nhân T, phường, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ. Con ông : Bùi Tất T và bà Nguyễn Thị Thu T (SN: 1969); Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Xuân N (tên gọi khác: không có), sinh ngày 10 tháng 3 năm 2000 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 76 phường Bình T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ; Nghề nghiệp: Nhân viên spa; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ. Con ông : Trần Văn Á (SN: 1976) và bà Phan Thị B (SN: 1976); Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2; có chồng là Trần Văn D (sinh năm 1991) (chưa đăng ký kết hôn); Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2016 và con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án: Ngày 20/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Phan Xuân N- sinh năm: 2001. Địa chỉ: K356/H93/07 Hoàng D, phường Bình T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Ông Đỗ Tấn T – sinh năm: 1986. Địa chỉ: 45 Nại Thành, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Xuân N – sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn Lệ Sơn, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.(Vắng mặt).

4. Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch M. Địa chỉ: 150 Ý Lan, phường Hòa Cường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn T, chức vụ: Giám đốc. (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Bà Phan Thị Thu H – sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ 8 phường Hòa K, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

6. Ông Đào Duy K – sinh năm: 1985. Địa chỉ: 08/2 Hàn Mặc, phường Thuận P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

7. Ông Phan Đình T - SN: 1996. Địa chỉ: K356/H93/07 Hoàng D, phường Bình T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

8. Ông Nguyễn Xuân T - SN; 1987. Địa chỉ: Thôn Lệ Sơn B, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

9. Bà Hồ Linh Mỹ K – SN: 1996. Nơi ĐKKHKT: 122 Bạch Đ, phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: 103/32 Lê Tấn T, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 00 giờ 40 phút ngày 08/8/2018, tại trước nhà số 91 Ông Ích Khiêm, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang Phan Xuân N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đi cùng với Phan Xuân N là Phan Xuân N (em ruột của N). Tang vật thu giữ của N gồm:

- 01 (một) gói nylon màu trắng kích thước (4x5) cm bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ tại túi quần Jean phía sau bên trái của N, được niêm phong, ký hiệu “A”.

- 01 (một) Chứng minh nhân dân số 201780268 cấp cho Phan Xuân N.

- 01 (một) xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS: 43C1 – 415.03.

- 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Phan Xuân N khai số ma túy trên mua của một đối tượng tên L tại nhà số 26 Thanh Hải, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với giá 4.000.000 đồng, mục đích là để sử dụng.

Đến 02 giờ 20 phút cùng ngày, tại bùng binh đầu cầu Sông Hàn thuộc phường An Hải B, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang đối với Phạm Tuấn L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của L gồm:

- 02 (hai) viên nén màu xanh, thu giữ trong túi quần Jean phía trước bên phải (ký hiệu: B1).

- 01 (một) gói nylon kích thước khoảng (03x05) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, thu giữ trong túi quần Jean phía trước bên phải, (ký hiệu B2).

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số: 0909362777.

- 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- 01 (một) xe ô tô BKS: 43A – 316.69.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 272929395 cấp cho Phạm Tuấn L.

Lúc 09h30' cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Tuấn L tại nhà số 26 Thanh H,

phường Thanh B quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, tiếp tục thu giữ của Linh:

- 01 (một) vỏ đầu máy màu đen kích thước khoảng (15x25)cm có dòng chữ Audio – video sphtter, đặt bên cạnh dàn máy vi tính, tại căn phòng của tầng 3 ngôi nhà, bên trong có:

- + 01 (một) gói nylon trắng, kích thước khoảng (4x5)cm, bên trong chứa chất bột màu trắng, được niêm phong ký hiệu C1.

- + 01 (một) gói nylon trắng kích thước khoảng (4x6)cm, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong ký hiệu C2.

- + 02 (hai) gói nylon trắng kích thước, mỗi gói khoảng (4x8)cm, bên trong 02 gói chứa 41 (bốn mươi một) viên nén màu xanh hình giọt nước, được niêm phong ký hiệu C3.

- + 20 (hai mươi) bao nylon kích thước khoảng (4x8)cm chưa qua sử dụng và 01 (một) cân điện tử không rõ nguồn gốc.

- + 01 (một) gói nylon trắng kích thước khoảng (4x8)cm, bên trong chứa 03 (ba) viên nén màu hồng hình tròn, được niêm phong ký hiệu C5.

- + 01 (một) gói nylon trắng, kích thước khoảng (4x8)cm, bên trong chứa 01 (một) viên nén màu xanh, được niêm phong, ký hiệu C6.

- 01 (một) xe ô tô BKS: 43A – 191.87.

- 01 (một) gói nylon trắng kích thước khoảng (4x6)cm, bên trong chứa 06 (sáu) viên nén màu xanh, thu giữ trong túi quần nhỏ phía trước, bên phải quần Jean của Linh, đang treo trong tủ quần áo tại căn phòng thuộc tầng 02 ngôi nhà, được niêm phong ký hiệu C4.

Đồng thời, trong quá trình khám xét nhà L, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện Bùi Thị Thi T đang ở trong phòng thuộc tầng 1 của ngôi nhà trên nên kiểm tra, thu giữ trong va li xách tay của T có 01 (một) gói nylon trắng, kích thước khoảng (4x5)cm, bên trong chứa tinh thể rắn, màu trắng, T khai nhận đây là ma túy đá của T. Tang vật thu giữ của Bùi Thị Thi T gồm có:

- 01 (một) gói nylon trắng, kích thước khoảng (4x5)cm, bên trong chứa tinh thể rắn, màu trắng, được niêm phong ký hiệu C7.

- 01 (một) chứng minh nhân dân cấp cho Bùi Thị Thi T.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEI: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683.

- 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng).

* Theo Kết luận giám định số 151/GĐ-MT ngày 13/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất bột màu trắng trong gói

niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng chất bột mẫu A: 2,809. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 2,218 gam mẫu A và toàn bộ bao vỏ gói.

* Theo Kết luận giám định số 150/GĐ-MT ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Các viên nén trong các gói niêm phong ký hiệu: B1, C3, C4, C5, C6 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu viên nén:

Mẫu	B1	C3	C4	C5	C6	Tổng
Khối lượng (gam)	0,768	16,199	2,307	1,070	0,401	20,745

- Tinh thể màu trắng (dạng bột mịn), chất bột màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu B2, C1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu chất bột B2: 0,476 gam; C1: 4,379 gam.

- Tinh thể màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu C2, C7 gửi giám định là ma túy, loại Mathamphetamine, khối lượng mẫu tinh thể C2: 1,159 gam; C7: 1,153 gam.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

Mẫu	B1	B2	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7
Khối lượng (gam)	0	0,384	4,001	0,737	12,277	0	0	0	0,704

và toàn bộ bao vỏ gói.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án là: 30,721g

Trong đó: Ma túy MDMA: 20,745g; Ma túy Mathamphetamine: 2,312g, Ma túy (Ketamine): 7,664g

Quá trình điều tra, từ lời khai của Phan Xuân N, Bùi Thị Thi T, Phạm Tuấn L, những người mua ma túy và các chứng cứ khác xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Đối với Phạm Tuấn L và Bùi Thị Thi T: Để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy sử dụng, Phạm Tuấn L đến thành phố Đà Nẵng thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy. L bắt đầu bán ma túy từ tháng 01/2018. Nguồn gốc ma túy là do L mua từ thành phố Hồ Chí Minh. Ma túy loại thuốc lắc, L mua của một nam thanh niên tên T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) và tên P (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể); ma túy đá (Methamphetamine) và hàng khay (Ketamine), L mua của một người phụ nữ tên T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Khi có người mua ma túy, hoặc L trực tiếp vào thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy mang về thành phố Đà Nẵng bán hoặc L gọi điện để T mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh ra cho L. Như vậy, mặc dù biết L bán ma túy tại thành phố Đà Nẵng nhưng T vẫn giúp L mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Đà Nẵng để bán cho người nghiện.

Ngày 07/8/2018, L liên hệ với các đối tượng tại thành phố Hồ Chí Minh

mua 300 (ba trăm) viên ma túy (thuốc lắc), 10 chỉ ma túy (hàng khay) và ma túy đá với tổng số tiền là 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng), L chuyển số tiền trên cho T nhiều lần, trong đó có chuyển 01 lần vào tài khoản ngân hàng của Bùi Thị Thương T (là chị ruột của T) với số tiền 50.000.000 đồng. Thi rút số tiền trên, đến nhận ma túy rồi đem ra thành phố Đà Nẵng cho L, Đến ngày 08/8/2018, khi T đang ở nhà L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng bắt giữ như đã nêu trên.

Số ma túy L và T mua ở thành phố Hồ Chí Minh về bán lại cho người nghiện, cụ thể như sau:

- *Bán cho Phan Xuân N: 02 lần*

Lần 1: Vào khoảng tháng 3/2018, N mua ma túy loại hàng khay (Ketamine) của L với giá 2.000.000 đồng về để sử dụng.

Lần 2: Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 08/8/2018, N chở em ruột của mình là N đi đến nhà L tại số 26 Thanh H, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, khi đến nơi, N đứng ngoài giữ xe, còn N vào trong nhà gặp L để mua 4.000.000 (bốn triệu) đồng ma túy, loại hàng khay (Ketamine). Sau khi giao dịch xong, N cất giấu ma túy trong người và lên xe chở N về, đến trước nhà số 91 Ông Ích Khiêm, thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên. Phan Xuân N không biết hành vi phạm tội của Phan Xuân N.

- *Bán cho Nguyễn Xuân N: 03 lần:*

+ Lần 1: Khoảng tháng 01/2018, L bán cho N 05 (năm) viên ma túy (thuốc lắc) với giá 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tại số 26 Thanh H, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Lần 2: Khoảng vài ngày sau, L tiếp tục bán cho N 10 (mười) viên ma túy (thuốc lắc) với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tại số 26 Thanh H, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Lần 3: Vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 08/8/2018, L bán cho N 250 (hai trăm năm mươi) viên tại số 26 Thanh H, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đi cùng với N có Nguyễn Xuân T. Tuy nhiên, N không thừa nhận đã mua số ma túy này của L.

- *Bán cho Đỗ Tấn T: 01 lần*

Vào khoảng tháng 7/2018 tại quán Bar Phương Đông, đường Đống Đa, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, L bán cho T 03 (ba) viên ma túy (thuốc lắc) với giá 1.000.000 (một triệu) đồng. Đến khoảng 01 giờ 25 phút ngày 08/8/2018, T đi cùng với Nguyễn Thị Minh L, khi đến gần khu công nghiệp An Đồn, thành phố Đà Nẵng

thì bị lực lượng tuần tra Công an thành phố Đà Nẵng mời về làm việc và T đã khai nhận như trên.

- Bán cho một nam thanh niên tên D (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể): Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/8/2018, L bán 05 viên ma túy (thuốc lắc) giá 1.500.000 đồng, nhưng D chưa trả tiền.

Ngoài ra, L còn bán ma túy cho nhiều người khác (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nhiều lần nhưng L không nhớ rõ thời gian, địa điểm giao ma túy.

Quá trình mua bán trái phép chất ma túy Phạm Tuấn L thu lợi bất chính 2.400.000 đồng và Bùi Thị Thi T thu lợi 500.000 đồng.

Quá trình điều tra Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T và Phan Xuân N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về xử lý vật chứng:

Chuyên Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng chờ xử lý:

- 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. (Trong đó: 3.000.000 đồng thu giữ từ Phan Xuân N; 1.000.000 đồng thu giữ từ Phạm Tuấn L; 400.000 đồng thu giữ từ Bùi Thị Thi T).

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số: 0909362777.

- 01 (một) vỏ đầu máy màu đen kích thước khoảng (15x25)cm có dòng chữ Audio – video sphtter, đặt bên cạnh dàn máy vi tính.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683.

+ 2,218 gam mẫu A và toàn bộ bao vỏ gói.

+ 0 gam mẫu B1, 0,384 gam mẫu B2, 4,001 gam C1, 0,737 gam C2, 12,277 gam C3, 0 gam C4, 0 gam C5, 0 gam C6 và 0,704 gam C7 và toàn bộ bao vỏ gói.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSHC ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo:

- Phạm Tuấn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Bùi Thị Thi T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Phan Xuân N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T, Phan Xuân N và đề nghị:

- Căn cứ: điểm b, c, p khoản 2 Điều 251; Điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn L từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thi T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Xuân N từ 18 tháng đến 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 34/2018/HS-ST ngày 20.4.2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, xử phạt bị cáo Phan Xuân N từ 30 tháng đến 32 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- Mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo kết luận giám định số 151/GĐ-MT ngày 13/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 Phong bì đựng mẫu hoàn trả gồm các mẫu B1, C1, C2, C3, C7 cùng toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-MT ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 (một) vỏ đầu máy màu đen kích thước khoảng (15x25) cm có dòng chữ Audio – video sphtter.

- 01 Cân điện tử.

- 20 gói ni lông kích thước (04 x 08) cm, chưa qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683.

+ Trả lại cho bị cáo L:

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số 0909362777.

+ Đối với số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. (Trong đó: 3.000.000 đồng thu giữ từ Phan Xuân N; 1.000.000 đồng thu giữ từ Phạm Tuấn L; 400.000 đồng thu giữ từ Bùi Thị Thi T), đây là số tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho các bị cáo.

+ Quy trừ số tiền 1.000.000 đồng của Phạm Tuấn L; 400.000 đồng của Bùi Thị Thi T để đảm bảo thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX tuyên truy thu số tiền 500.000 đồng của Bùi Thị Thi T, 2.400.000 đồng của Phạm Tuấn L do thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T, Phan Xuân N khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quy trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Phạm Tuấn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c,p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, Bùi Thị Thi T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo Phan Xuân N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 15/CT-VKSHC ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của vụ án thì thấy: Các bị cáo đều nhận

thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển của dân tộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

- Đối với Phạm Tuấn L và Bùi Thị Thi T: Để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy để sử dụng. Từ thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Tuấn Linh ra thành phố Đà Nẵng thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 01/2018. Nguồn gốc ma túy là do L mua từ thành phố Hồ Chí Minh, ma túy là loại thuốc lắc, ma túy đá (Methamphetamine) và hàng khay (Ketamine). Khi có người mua ma túy, hoặc L trực tiếp vào thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy mang về thành phố Đà Nẵng bán hoặc L gọi điện và chuyển tiền để Bùi Thị Thi T mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh ra cho L. Như vậy, mặc dù biết L bán ma túy tại thành phố Đà Nẵng nhưng Thi vẫn giúp L mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Đà Nẵng để bán cho người nghiện. Ngày 07/8/2018, L liên hệ với các đối tượng tại thành phố Hồ Chí Minh mua 300 (ba trăm) viên ma túy (thuốc lắc), 10 chỉ ma túy (hàng khay) và ma túy đá với tổng số tiền là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), L chuyển số tiền trên cho T nhiều lần, trong đó có chuyển 01 lần vào tài khoản ngân hàng của Bùi Thị Thương T với số tiền 50.000.000 đồng, T rút số tiền trên, đến nhận ma túy rồi đem ra thành phố Đà Nẵng cho bị cáo L, L nhận số ma túy từ T và nhập vào số ma túy còn lại trước đó để bán cho các người nghiện. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến 08/2018, Phạm Tuấn L đã bán ma túy cho Phạm Xuân N: 02 lần; Bán cho Nguyễn Xuân N: 03 lần; Bán cho Đỗ Tấn T: 01 lần; ngoài ra L còn bán cho những người khác nhưng không rõ họ tên, địa chỉ. Ngày 08/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng thu giữ của Phạm Tuấn L tổng khối lượng 26,756 gam ma túy mà L chưa kịp bán; và cùng ngày khi T đang ở nhà L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng bắt và thu giữ 1,153gam ma túy. Như vậy, Phạm Tuấn L phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho nhiều người với tổng khối lượng 29,568 (trong đó: 20,745 gam ma túy, loại MDMA; 1,159 gam ma túy, loại Methamphetamine và 7,664 gam ma túy loại Ketamine). Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, Phạm Tuấn L thu lợi 2.400.000 đồng. Đối với Bùi Thị Thi T là đồng phạm giúp sức cho L nên chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nhiều người với

khối lượng: 1,153 gam ma túy Methamphetamine. Quá trình giúp L mua bán trái phép chất ma túy, T hưởng lợi 500.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo L đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b,c,p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo L nên chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nhiều người, hành vi phạm tội của bị cáo T cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Đối với Phan Xuân N: Bị cáo N là người nghiện ma túy, vào lúc 00h40’ ngày 08/8/2018, tại trước nhà số 91 Ông Ích Khiêm, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang Phan Xuân N đang có hành vi tàng trữ trái phép 2,809gam ma túy loại Ketamine mà N vừa mua của Phạm Tuấn L để sử dụng. Do đó, hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phan Xuân N có nhân thân xấu, bị cáo đã có 1 tiền án: ngày 20/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo L và bị cáo T đều có nhân thân tốt. Qua quá trình điều tra, bị cáo L và bị cáo T đã tự thú khai ra những người bị cáo đã bán ma túy, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo L và bị cáo T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thống nhất với Viện kiểm sát cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo đều không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng

nếu thi hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Gồm:

- Mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo kết luận giám định số 151/GĐ-MT ngày 13/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 Phong bì đựng mẫu hoàn trả gồm các mẫu B1, C1, C2, C3, C7 cùng toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo KLGD số 150/GĐ-MT ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 Cân điện tử.

- 20 gói ni lông kích thước (04 x 08) cm, chưa qua sử dụng.

- 01 (một) vỏ đầu máy màu đen kích thước khoảng (15x25)cm có dòng chữ Audio – video sphtter;

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số: 0909362777.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683.

- 4.400.000đ (Trong đó: 3.000.000 đồng thu giữ từ Phan Xuân N; 1.000.000 đồng thu giữ từ Phạm Tuấn L; 400.000 đồng thu giữ từ Bùi Thị Thi T)

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

1. Đối với các vật chứng:

- Mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo kết luận giám định số 151/GĐ-MT ngày 13/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 Phong bì đựng mẫu hoàn trả gồm các mẫu B1, C1, C2, C3, C7 cùng toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-MT ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 20 gói ni lông kích thước (04 x 08) cm, chưa qua sử dụng.

- 01 (một) vỏ đầu máy, màu đen, kích thước khoảng (15x25)cm có dòng chữ Audio – video sphtter.

- 01 cân điện tử.

là vật cấm tàng trữ, lưu hành, là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

2. Đối với các vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343 thu giữ của bị cáo L.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683 thu giữ của bị cáo T

Xét thấy, đây là các phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

3. Đối với các vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868; 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số: 0909362777; 1.000.000đồng thu giữ của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo L. Nhưng đối với số tiền 1.000.000đồng quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- 400.000đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- 3.000.000 đồng thu giữ từ Phan Xuân N không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo N;

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2019.

[10] Về phần dân sự: Truy thu số tiền 2.400.000đồng của bị cáo Phạm Tuấn L và 500.000đồng của bị cáo Bùi Thị Thi T do thu lợi bất chính.

[11] Đối với các đối tượng có tên: Tài, Phương, Thanh, Dương liên quan đến hành vi mua, bán trái phép chất ma túy với Phạm Tuấn L, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ của các đối tượng này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[12] Đối với Bùi Thị Thương T (Sinh năm: 1983, Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, xã Pong D, huyện Krong B, tỉnh Đắk Lắk) có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Phạm Tuấn L và Bùi Thị Thi T. Qua xác minh thì Bùi Thị Thương T hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu và làm gì, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[13] Đối với Phan Xuân N đi cùng với Phan Xuân N, N không biết việc N mua ma túy của L; N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố Đà Nẵng xử lý hành chính là có căn cứ.

[14] Đối với Nguyễn Xuân N, Đỗ Tấn T, Nguyễn Xuân T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng xử lý hành chính là có căn cứ.

[15] Đối với xe mô tô BKS 43C1-41503 đứng tên chủ sở hữu là ông Phan Đình T, xe này ông T cho Phan Xuân N mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của N, nên ngày 03/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu trả lại cho ông T là có căn cứ.

[16] Đối với xe ô tô BKS 43A-316. đứng tên chủ sở hữu là bà Phan Thị Thu H, xe này bà H cho Phạm Tuấn L thuê để sử dụng làm phương tiện đi lại và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của L, nên ngày 30/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng trả lại cho bà H là có căn cứ.

[17] Đối với xe ô tô BKS 43A-191 đứng tên chủ sở hữu là ông Đào Duy K, xe này ông K cho chị Hồ Linh Mỹ K (là vợ của L) thuê để sử dụng làm phương tiện đi lại và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của L, nên ngày 30/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng trả lại cho ông K là có căn cứ.

[18] Án phí:

- Án phí HSST các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Phan Xuân N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b, c, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn L **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2018.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thi T **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2018.

3. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Xuân N **18 (Mười tám) tháng tù**.

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt bản án số 34/2018/HS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt bị

cáo Phan Xuân N 30 (Ba mươi) tháng từ . Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2018.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

+ *Tịch thu tiêu hủy:*

- Mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo kết luận giám định số 151/GĐ-MT ngày 13/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 Phong bì đựng mẫu hoàn trả gồm các mẫu B1, C1, C2, C3, C7 cùng toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-MT ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 20 gói ni lông kích thước (04 x 08) cm, chưa qua sử dụng.

- 01 (một) vỏ đầu máy, màu đen, kích thước khoảng (15x25)cm có dòng chữ Audio – video sphtter.

- 01 cân điện tử.

+ *Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 359212072570557, lắp sim số: 0969504343.

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 357994053680164, lắp sim số: 01678947683.

+ *Trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn L:*

- 01 (một) điện thoại di động có IMEL: 353262076565711, lắp sim số: 0868864868.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen có số Seri 1: 354481093640880, Seri 2: 354481098640885, lắp sim số: 0909362777.

- 1.000.000đồng (Một triệu đồng) nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

+ *Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Thi T* số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

+ *Trả lại cho bị cáo Phan Xuân N* số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2019.

5. Về phần dân sự: Truy thu số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) của Phạm Tuấn L và 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) của Bùi Thị Thi T do thu lợi bất chính.

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Phạm Tuấn L, Bùi Thị Thi T, Phan Xuân N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

7. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Q.Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an Q. Hải Châu;
- Chi cục THA DS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Phạm Thanh Anh

